

Bản án số: 34/2024/HNGĐ - ST

Ngày 16/7/2024.

(V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Khắc Thái, ông Lương Mạnh Tường.

Thư ký phiên tòa: ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2024/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị Th, sinh năm 1986, tên gọi khác: không.

Trú tại: thôn H 2, xã Q, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: anh Đinh Như H, sinh năm 1985, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn 8, xã Q, huyện H, tỉnh Q.

Chị Th và anh H đều vắng mặt, đều có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày: tôi và anh Đinh Như H kết hôn với nhau vào ngày 13/7/2009 tại UBND xã Q, huyện N, trước khi kết hôn chúng tôi có tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện, không do ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống ở thôn Hội Tiến 2, xã Q, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bắt đầu quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, đồng thời do anh Đinh Như H thường xuyên đi làm ăn xa nhà, ít quan tâm vợ con làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt. Đến cuối năm 2011 do mâu thuẫn vợ chồng trở nên nghiêm trọng nên anh Đinh Như H đã chuyển khẩu về sống với mẹ đẻ tại thôn 8, xã Q, huyện H, tỉnh Q, kể từ đó vợ chồng tôi sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn anh Đinh Như H. Về con chung: chúng tôi có 01 con chung là cháu Đinh Phạm Như V, sinh ngày 01/10/2009, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Đinh Phạm Như V ở với tôi. Khi ly hôn, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh Đinh

Như H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chúng tôi không có con nuôi, con riêng và hiện nay tôi không có thai. Về tài sản và công nợ chung: tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/6/2024 anh Đinh Như H trình bày: tôi và chị Phạm Thị Th sau một thời gian tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện chúng tôi đã đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/7/2009 tại trụ sở UBND xã Q, huyện N. Sau khi cưới, vợ chồng chúng tôi chung sống tại thôn H2, xã Q, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Đến cuối năm 2011 do mâu thuẫn vợ chồng trở nên nghiêm trọng nên tôi đã chuyển khẩu về sống với mẹ đẻ của tôi tại thôn 8, xã Q, huyện H, tỉnh Q. Kể từ đó đến nay vợ chồng tôi sống ly thân hoàn toàn, không còn quan tâm đến nhau. Tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Th. Về con chung: tôi và chị Phạm Thị Th có 01 con chung, cháu tên là: Đinh Phạm Như V, sinh ngày 01/10/2009, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Đinh Phạm Như V ở với chị Th. Khi ly hôn, tôi đồng ý để chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, nhưng không được ngăn cản tôi thăm nom, chăm sóc con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con nêu chị Th có yêu cầu tôi sẽ đóng góp tiền nuôi con theo pháp luật. Chúng tôi không có con nuôi, con riêng. Về tài sản chung, công nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, công nợ chung. Tôi không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết mối quan hệ này.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 5, Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh Đinh Như H. Về con chung: giao cháu Đinh Phạm Như V, sinh ngày 01/10/2009 cho chị Phạm Thị Th được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đinh Phạm Như V đủ 18 tuổi, hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Đinh Như H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Th. Về án phí: miễn án phí sơ thẩm ly hôn cho chị Phạm Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Đinh Như H có địa chỉ tại thôn 8, xã Q, huyện H, tỉnh Q, tuy nhiên anh H và chị Th đã có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa

án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện N áp dụng Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn cùng vắng mặt nhưng đều có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Th và anh Đinh Như H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người sinh sống tại thôn Hội Tiến 2, xã Q, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của hai bên là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Đến cuối năm 2011 do mâu thuẫn vợ chồng trở nên nghiêm trọng nên anh H đã chuyển về sống với mẹ đẻ tại thôn 8, xã Q, huyện H, tỉnh Q. Kể từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân hoàn toàn, không còn quan tâm đến nhau. Bản thân chị Th và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai người không còn thương yêu nhau và anh H đồng ý ly hôn với chị Th. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Th và anh Đinh Như H đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Th, xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh Đinh Như H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị Phạm Thị Th và anh Đinh Như H có 01 con chung là cháu Đinh Phạm Như V, sinh ngày 01/10/2009, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Đinh Phạm Như V ở với chị Th. Chị Phạm Thị Th và anh Đinh Như H đều không vi phạm đạo đức, lối sống trong việc nuôi dạy con chung. Chị Th tuy là người khuyết tật nhẹ, nhưng thực tế vẫn nuôi dưỡng tốt cháu Đinh Phạm Như V suốt từ khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay, nên cả chị Th và anh H đều có đủ điều kiện nuôi con. Chị Th có yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu V, phù hợp với quan điểm của anh H cũng đồng ý để chị Phạm Thị Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Do đó cần giao cháu Đinh Phạm Như V cho chị Phạm Thị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là thỏa đáng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị Th không có yêu cầu nên không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị Th và anh H không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: chị Phạm Thị Th là người khuyết tật nên được miễn án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh Đinh Như H.

2. Về con chung: giao cháu Đinh Phạm Như V, sinh ngày 01/10/2009 cho chị Phạm Thị Th tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đinh Phạm Như V đủ 18 tuổi. Anh Đinh Như H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Phạm Thị Th. Anh Đinh Như H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: miễn án phí sơ thẩm ly hôn cho chị Phạm Thị Th.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS N;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Quốc